

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 01 - 2018

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Toàn

2. Ông Hoàng Công Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Lý – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984.

Trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. (Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Trần Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2014. Sai khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà chị H ở thôn S, xã H, huyện T, được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T ham chơi không lo lắng gì cho gia đình, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, kinh tế gia đình khó khăn. Đến năm 2015 anh T phạm tội và hiện đang đi thi hành án tù chung thân tại Trại giam Đồng Sơn,

Tổng cục VIII, Bộ Công an. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2014. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cũng có một số mâu thuẫn nhỏ do tính tình của hai bên không hợp. Hiện nay anh đang chấp hành án tù chung thân Trại giam Đồng Sơn, Tổng cục VIII, Bộ Công an. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Nay chị H khởi kiện ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, Tổng cục VIII, Bộ Công an.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: đề nghị Căn cứ Điều 5; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.
3. Về quan hệ con chung: Không có
4. Về quan hệ tài sản: Hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét

Về án phí: Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Trần Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, xét việc đề nghị xử vắng mặt của anh T là đúng

theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên việc xét xử vắng mặt anh T là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 04/3/2014, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp được nhà nước công nhận, nay có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[3] Về mâu thuẫn của vợ chồng: Chị H và anh T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà chị H ở thôn S, xã H, huyện T được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T ham chơi không lo lắng gì cho gia đình, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2015 anh phạm tội và hiện đang đi thi hành án tù chung thân tại Trại giam Đồng Sơn, Tổng cục VIII, Bộ Công An. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm giữa các bên đương sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thống nhất không có tài sản chung, không nợ nần gì ai hay ai nợ nần gì của vợ chồng.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho nguyên đơn chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.
3. Về quan hệ con chung: Không có
4. Về quan hệ tài sản: Hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002034 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Ủy ban nhân dân phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn